| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH TRÀ VINH**<br>Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 05-7-2023<br>*"Về việc tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và nợ chung"* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Bà Lê Thị Cúc Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con và nợ chung"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Lê T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh,

***Bị đơn:*** Anh Phan K, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Tr, huyện T, tỉnh Trà Vinh

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*** Bà Thái A, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Trà Vinh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-9-2022, lời khai của chị Lê T trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Vào ngày 19-9-2009 chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Phan K và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17-11-2009. Trong quá trình chung sống chị và anh K có 01 con chung tên Phan K, sinh ngày 13-8-2010. Tài sản chung không có. Nợ chung: Năm 2017 chị và anh K có vay của bà Thái A số tiền 70.000.000 đồng để làm vốn đi xà lang, vợ chồng chị cùng đến nhà bà A và viết biên nhận vay tiền của bà, trong biên nhận có 02 vợ chồng cùng ký tên. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh K có người phụ nữ khác, chị nhiều lần tha thứ nhưng anh K vẫn không thay đổi. Đến nay tình cảm chị dành cho anh K không còn nữa.

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Phan K.

- Về con chung: Chị yêu cầu nuôi con chung là cháu Phan T, sinh ngày 13-8-2010 trước đây chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay chị T bổ sung yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị đồng ý trả cho bà Thái A 35.000.000 đồng và chị yêu cầu anh Phan K phải trả cho bà Thái A 35.000.000 đồng.

*Bị đơn anh Phan K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên hòa giải hai lần và được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng anh Phan K đều vắng mặt và không có lời trình bày.*

*Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 01-11-2022 cũng như quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái A trình bày*:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 10-10-2017 bà có cho vợ chồng chị T và anh K vay số tiền 70.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận và vợ chồng chị T cùng ký tên, mục đích vợ chồng chị T và anh K vay tiền là để làm ăn, lãi suất là 3%/ tháng. Khi vay các bên có thỏa thuận là đến tết năm 2018 chị T và anh K sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thì qua tết sẽ trả đủ. Tuy nhiên từ sau khi vay đến nay vợ chồng chị T chỉ đóng lãi được 4.200.000 đồng (tức 02 tháng tiền lãi) thì không đóng nữa cũng không trả nợ gốc. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T buộc chị T và anh K liên đới trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

*Những tình tiết các bên thống nhất:* Bà Thái A và chị Lê T thống nhất số tiền vay vốn gốc 70.000.000 đồng là khoản nợ chung của anh K và chị T trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời hai bên thống nhất không yêu cầu tính lại tiền lãi chị T và anh K đã đóng, cũng như không yêu cầu tính lại tiền lãi từ ngày vay đến nay.

*Những tình tiết các bên không thống nhất:* Do anh Phan K vắng mặt, không có ý kiến trình bày nên không xác định được các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung anh K có thống nhất hay không.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 27, 37, 51, 56,81, 82 và 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 363 và 366 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê T về việc cho chị T được ly hôn với anh Phan K; giao cháu Phan T, sinh ngày 13-8-2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thái A buộc chị Lê T và anh Phan K liên đới trả cho bà A số tiền vay vốn gốc 70.000.000 đồng; buộc chị Lê T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh K, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện trước đây, bị đơn vắng mặt không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Lê T khởi kiện yêu cầu tranh chấp ly hôn và nuôi con, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tranh chấp hợp đồng vay với anh K và chị T. Đồng thời bị đơn anh Phan K cư trú tại ấp P, xã Tr, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

*- Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê T và anh Phan K xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Chị Lê T có cung cấp bản chính Giấy chứng nhận kết hôn do thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp vào ngày 17-11-2009, nên hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng, chị T và anh K sống hạnh phúc và có được 01 con chung tên Phan T, sinh ngày 13-8-2010; đến năm 2020 thì mới phát sinh mâu thuẫn do chị T cho rằng anh K không chung thủy (có quan hệ với người phụ nữ khác), hai bên phát sinh cự cãi nên anh K đã bỏ mẹ con chị không quan tâm, chăm sóc một thời gian dài dẫn đến tình cảm của chị dành cho anh K không còn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do không hiểu nhau và nghi ngờ sự chung thủy của anh K (không có chứng cứ cụ thể) dẫn đến vợ chồng phát sinh cãi vả nên chị T và anh K đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay (hơn 02 năm), không ai quan tâm cuộc sống của ai. Lời khai của chị T về việc vợ chồng sống ly thân thời gian dài cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T tại địa phương về tình trạng hôn nhân cuả anh chị (bút lục 37-38). Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải hai lần vào các ngày 10-4-2023 và 05-5-2023 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị T và anh K. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh K cũng không có ý muốn hàn gắn cùng chị T. Trong các lần hòa giải chị T khẳng định không còn yêu thương anh K. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh K.

[4] Về con chung: Cháu Phan T, sinh ngày 13-8-2010 đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, cháu không có mặt tham gia hòa giải và phiên tòa nhưng khi được Tòa lấy ý kiến thì thể hiện nguyện vọng là được sống chung với mẹ Lê T. Xét thấy, từ trước đến nay cháu sống chung với chị T và cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị T. Anh K vắng mặt và không có ý kiến. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về con chung, giao cháu Phan T, sinh ngày 13-8-2010 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện và các biên bản hòa giải chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị T trình bày lý do khi nộp đơn ly hôn chị và anh K có thỏa thuận bên ngoài về việc anh K sẽ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên đến nay anh K không thực hiện đúng thỏa thuận nên tại phiên tòa hôm nay chị bổ sung yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét việc bổ sung yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con của chị T cũng nằm trong nội dung xem xét khi giải quyết vụ án hôn nhân gia đình, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết yêu cầu bổ sung này để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên do yêu cầu mới phát sinh tại phiên Tòa và chị T cũng không cung cấp được chứng cứ để minh thu nhập của anh K nên chỉ có thể chấp nhận việc cấp dưỡng ở mức tối thiểu là ½ tháng lương cơ sở thời điểm hiện tại là 900.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp do nhu cầu của con hoặc chứng minh được thu nhập của anh K thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung: Chị Lê T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Phan K vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho anh Phan K quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu và chứng minh được về tài sản chung.

[7] Về nợ chung: xét yêu cầu độc lập của bà Thái A về việc yêu cầu chị Lê T và anh Phan K cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 70.000.000 đồng. Chị T thừa nhận năm 2017 chị và anh K có đến nhà bà A để vay số tiền 70.000.000 đồng làm vốn đi xà lan và thừa nhận chữ ký của vợ chồng chị trong biên nhận do bà A cung cấp. Các bên khai cũng có đóng lãi nhưng không ai yêu cầu tính lãi lại. Đến thời điểm hiện tại bà A cũng chỉ yêu cầu chị T và anh K trả tiền vay vốn gốc và không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này" và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập". Do đó nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3 là nghĩa vụ liên đới của chị T và anh K không có căn cứ để tách ra mỗi bên có nghĩa vụ 50% đối với số tiền đã vay của bà A. Nhưng xét vợ chồng anh K và chị T đang tranh chấp ly hôn nên nếu chị T hoặc anh K thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì có quyền yêu cầu bên còn lại hoàn trả cho mình ½ số tiền nợ vay là 35.000.000 đồng. Do đó có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc chị T và anh K liên đới trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 70.000.000 đồng, không có cơ sở phân chia trách nhiệm trả nợ theo phần như yêu cầu của chị T.

[8] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và chị Tcùng anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Bà Thái A không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, Điều 37, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 20215;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê T, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Thái A.

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Lê T được ly hôn với bị đơn anh Phan K.

**2.** Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê T về con chung, giao cháu Phan T, sinh ngày 13-8-2010 cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Buộc Phan K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T mỗi tháng 900.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3.** Về tài sản chung: Chị Lê T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Phan K vắng mặt nên không có lời khai. Hội đồng xét xử dành cho anh Phan K quyền khởi kiện một vụ kiện khác nếu có yêu cầu về tài sản chung.

**4.** Về nợ chung: Buộc chị Lê T và anh Phan K liên đới trả cho bà Thái A số tiền vay vốn gốc là 70.000.000 đồng (trường hợp chị T hoặc anh K trả hết nợ cho bà A thì có quyền yêu cầu bên còn lại thanh toán ½ khoản nợ là 35.000.000 đồng cho người đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà A).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.*

**5.** Về án phí: Chị Lê T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00011617, ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;

Chị Lê T và anh Phan K phải nộp thêm 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan K phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**6.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Quyền**